BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 10/2011/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2011*

THÔNG TƯ
Quy định về quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án của các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11;

Căn cứ các nghị định của Chính phủ: số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/9/2009 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình,

Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án của các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước như sau:

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án của các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn Ngân sách nhà nước và vốn Trái phiếu (do Chính phủ hoặc Chính quyền địa phương phát hành).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng cho các chủ đầu tư, ban quản lý dự án (sau đây viết tắt là BQLDA), các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, thanh toán chi phí quản lý dự án của các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn Ngân sách nhà nước và vốn Trái phiếu.

Doanh nghiệp tư vấn thực hiện quản lý dự án theo hợp đồng tư vấn không thuộc đối tượng áp dụng của Thông tư này.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý

1. Chi phí quản lý dự án đầu tư là toàn bộ các khoản chi phí cần thiết để chủ đầu tư, BQLDA tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý dự án trong suốt quá trình đầu tư của dự án từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư cho đến khi kết thúc đầu tư và phê duyệt quyết toán.

2. Hàng năm, chủ đầu tư, BQLDA thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí quản lý dự án để đảm bảo sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả. Chủ đầu tư, BQLDA quản lý một dự án có tổng mức đầu tư nhỏ hơn hoặc bằng 15 tỷ đồng được thực hiện theo mức chi phí quản lý được duyệt trong dự toán của công trình, dự án; không phải lập và duyệt dự toán chi phí quản lý dự án theo quy định trên đây; nhưng phải tuân thủ các nội dung chi quy định tại Thông tư này và không vượt định mức trích theo quy định.

3. Căn cứ điều kiện cụ thể của dự án, chủ đầu tư quyết định việc lập và phê duyệt 2 dự toán chi phí quản lý dự án riêng (một dự toán của chủ đầu tư sử dụng, một dự toán của BQLDA sử dụng) hoặc chung trong một dự toán cho cả chủ đầu tư và BQLDA sử dụng.

4. Mức chi đối với các khoản chi tại Điều 6 (Nội dung dự toán chi phí quản lý dự án) của Thông tư này thực hiện theo các quy định hiện hành đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

Phần II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Căn cứ lập dự toán chi phí quản lý dự án

- Các quy định về định mức trích chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư và xây dựng hiện hành của các dự án sử dụng vốn nhà nước;

- Các quy định về quản lý tài chính hiện hành đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

- Quyết định đầu tư; quyết định phê duyệt dự toán công trình; quyết định thành lập BQLDA;

- Bảng tính lương năm của cán bộ quản lý dự án;

- Các căn cứ cần thiết khác của dự án.

Điều 5. Trình tự lập dự toán chi phí quản lý dự án

1. Xác định nguồn kinh phí được trích theo từng dự án:

Việc xác định nguồn kinh phí trích theo từng dự án được giao quản lý để ghi vào Mẫu số 01(i)/DT-QLDA - Bảng tính nguồn kinh phí quản lý dự án (kèm theo). Mẫu số 01(i)/DT-QLDA lập riêng cho từng dự án (i) chạy từ 1 đến n, cụ thể như sau:

1.1. Căn cứ tổng mức đầu tư của dự án được phê duyệt và định mức trích chi phí quản lý dự án theo văn bản công bố của cơ quan có thẩm quyền để xác định chi phí quản lý dự án của dự án (ký hiệu là $\mathbf{G_{QLDA}}$). Trường hợp các dự án không có định mức trong các văn bản công bố hoặc chỉ làm công tác chuẩn bị đầu tư cho dự án thì trích theo dự toán do cấp giao nhiệm vụ duyệt. Đối với các dự án ODA nếu hiệp định của dự án có quy định cụ thể về mức kinh phí quản lý dự án thì thực hiện theo hiệp định.

1.2. Căn cứ tổng mức đầu tư của dự án được phê duyệt và định mức trích chi phí tư vấn đầu tư xây dựng theo văn bản công bố của cơ quan có thẩm quyền để xác định các khoản chi phí tư vấn đầu tư xây dựng do chủ đầu tư, BQLDA thực hiện (ký hiệu là $\mathbf{G_{TV}}$). Trường hợp khoản chi phí tư vấn không có định mức trong các văn bản công bố thì lập dự toán theo quy định.

1.3. Xác định mức chi cụ thể cho những công việc thuộc chi phí quản lý dự án mà chủ đầu tư, BQLDA cần phải thuê tư vấn thực hiện (ký hiệu là $\mathbf{G_{TTV}}$).

1.4. Kinh phí quản lý dự án phần do chủ đầu tư, BQLDA được sử dụng theo từng dự án trong suốt quá trình quản lý dự án ký hiệu là $\mathbf{G_{QLDA\ (CĐT)}}$ được xác định theo công thức:

$$\mathbf{G_{QLDA\ (CĐT)} = G_{QLDA} + G_{TV} - G_{TTV}}$$

1.5. Phân chia cụ thể: phần do chủ đầu tư được sử dụng, phần do BQLDA được sử dụng. Tỷ lệ phân chia kinh phí tương ứng với tỷ lệ phân công nhiệm vụ, trách nhiệm giữa chủ đầu tư và BQLDA; do chủ đầu tư quyết định sau khi thỏa thuận thống nhất với BQLDA trên cơ sở phân công nhiệm vụ được ghi trong quyết định thành lập BQLDA hoặc văn bản giao nhiệm vụ.

1.6. Dự kiến phân bổ chi phí quản lý dự án cho các năm triển khai thực hiện dự án.

2. Lập Bảng tổng hợp nguồn kinh phí theo Mẫu số 02/DT-QLDA kèm theo, trong đó xác định rõ: Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý, Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có); Tổng kinh phí được sử dụng, lũy kế kinh phí đã sử dụng các năm trước, kinh phí dự kiến sử dụng năm kế hoạch, kinh phí để sử dụng các năm sau.

3. Lập Bảng tính lương năm theo Mẫu số 03/DT-QLDA kèm theo, trong đó xác định rõ danh sách cán bộ trực tiếp tham gia quản lý dự án theo 3 mục: cán bộ hưởng lương từ dự án, cán bộ hưởng lương theo hợp đồng QLDA, cán bộ kiêm nhiệm quản lý dự án.

4. Lập dự toán chi phí quản lý dự án năm theo Mẫu số 04/DT-QLDA kèm theo.

Điều 6. Nội dung dự toán chi phí quản lý dự án

Nội dung dự toán chi phí quản lý dự án năm của chủ đầu tư, BQLDA được ghi trong Mẫu số 04/DT-QLDA, gồm các khoản chi cụ thể như sau:

1. Chi tiền lương: lương ngạch, bậc theo quỹ lương được giao; lương hợp đồng dài hạn đối với các cá nhân được hưởng lương từ dự án theo quyết định của cấp có thẩm quyền và quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tiền lương.

Việc xác định quỹ tiền lương cho cán bộ quản lý dự án phải đảm bảo đúng biên chế được duyệt của cấp có thẩm quyền. Trường hợp tiết kiệm các khoản chi tiêu khác, được áp dụng hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương cho những người hưởng lương từ chi phí quản lý dự án theo quy định tại Thông tư số 06/2010/TT-BLĐTBXH ngày 07/4/2010 của Bộ Lao động - Thương binh - Xã hội hướng dẫn thực hiện mức lương tối thiểu chung đối với công ty nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

2. Chi tiền công trả cho lao động theo hợp đồng.

3. Các khoản phụ cấp lương: chức vụ, khu vực, thu hút, đắt đỏ, làm đêm, thêm giờ, độc hại, nguy hiểm, lưu động, trách nhiệm, phụ cấp kiêm nhiệm quản lý dự án, phụ cấp khác.

3.1. Đối với phụ cấp làm thêm giờ phải tuân thủ quy định của Luật Lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và các văn bản hướng dẫn thực hiện (Nghị định số 109/2002/NĐ-CP ngày 27/12/2002 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 195/CP ngày 31/12/1994 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi; Thông tư liên tịch Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính số 08/2005/TTLT-

BNV-BTC ngày 05/01/2005 hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

3.2. Đối với Phụ cấp kiêm nhiệm quản lý dự án:

- Đối với cán bộ, công chức, viên chức được phân công làm việc kiêm nhiệm quản lý dự án tại một BQLDA được hưởng phụ cấp quản lý dự án theo tỷ lệ tương ứng với thời gian làm việc tại dự án. Mức chi phụ cấp kiêm nhiệm quản lý dự án một tháng cho một cá nhân tối đa bằng 50% tiền lương và phụ cấp lương một tháng của cá nhân đó.

- Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức được phân công làm kiêm nhiệm ở nhiều BQLDA thì mức phụ cấp quản lý dự án kiêm nhiệm được xác định tương ứng với tỷ lệ thời gian làm việc cho từng dự án, nhưng tổng mức phụ cấp của tất cả các dự án làm kiêm nhiệm tối đa bằng 100% mức lương theo cấp bậc, phụ cấp lương được hưởng.

Những người đã hưởng lương theo quy định tại Khoản 1 Điều này không được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm theo quy định tại Khoản này.

4. Chi tiền thưởng: thưởng thường xuyên, thưởng đột xuất (nếu có) và các chi phí liên quan đến khen thưởng. Mức chi tiền thưởng cho cá nhân, tập thể theo quy định tại Mục 3, Chương V, Nghị định số 121/2005/NĐ-CP ngày 30/9/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng. Mức trích lập dự toán chi tiền thưởng tối đa bằng 15% tổng quỹ tiền lương theo ngạch bậc của số cán bộ, công nhân, viên chức trong biên chế và tiền công được duyệt cả năm theo quy định tại điểm a, khoản 1, Mục II, Thông tư số 73/2006/TT-BTC ngày 15/8/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng theo Nghị định số 121/2005/NĐ-CP ngày 30/9/2005 của Chính phủ.

5. Chi phúc lợi tập thể: thanh toán tiền nghỉ phép, nghỉ chế độ, trợ cấp khó khăn thường xuyên, trợ cấp khó khăn đột xuất, tiền thuốc y tế.

6. Các khoản đóng góp: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (nếu có), kinh phí công đoàn, trích nộp khác đối với các cá nhân được hưởng lương từ dự án theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

7. Chi thanh toán dịch vụ công cộng: tiền điện, tiền nước, vệ sinh môi trường, nhiên liệu, khoán phương tiện, các dịch vụ khác.

8. Chi mua vật tư văn phòng: công cụ, dụng cụ văn phòng, tủ tài liệu, bàn ghế, văn phòng phẩm, bảo hộ lao động, khác.

9. Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền, liên lạc: cước phí điện thoại, bưu chính, Fax, Internet, sách, báo, tài liệu quản lý.

10. Chi phí hội nghị.

11. Chi thanh toán công tác phí.

12. Chi phí thuê mướn: thuê phương tiện đi lại, nhà làm việc, thiết bị phục vụ các loại, thuê chuyên gia và giảng viên, thuê đào tạo lại cán bộ, thuê mướn khác.

13. Chi đoàn ra: tiền vé máy bay, tàu, xe, thuê phương tiện đi lại, tiền ăn, ở, tiêu vặt.

14. Chi đoàn vào: tiền vé máy bay, tàu, xe, thuê phương tiện đi lại, tiền ăn, ở, tiêu vặt.

15. Chi sửa chữa tài sản.

16. Chi phí mua sắm tài sản dùng cho quản lý dự án: nhà cửa, phương tiện đi lại, thiết bị phòng cháy chữa cháy, máy tính, phần mềm máy tính, máy văn phòng, tài sản khác.

17. Chi phí khác: nộp thuế, phí, lệ phí, bảo hiểm tài sản và phương tiện, tiếp khách, khác.

18. Dự phòng: bằng 10% của dự toán.

Điều 7. Thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí quản lý dự án

1. Chủ đầu tư thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí quản lý dự án. Trường hợp BQLDA thực hiện quản lý nhiều dự án cho nhiều chủ đầu tư thì chủ đầu tư trực tiếp thành lập BQLDA thực hiện thẩm định và phê duyệt dự toán chi phí quản lý dự án.

2. Hồ sơ thẩm định dự toán chi phí quản lý dự án:

- Văn bản đề nghị phê duyệt; quyết định đầu tư; quyết định phê duyệt dự toán công trình; quyết định thành lập BQLDA;

- Bảng tính kinh phí quản lý dự án theo Mẫu số 01/DT-QLDA;

- Bảng tổng hợp nguồn kinh phí quản lý dự án theo Mẫu số 02/DT-QLDA;

- Bảng tính lương năm theo Mẫu số 03/DT-QLDA;

- Dự toán chi phí quản lý dự án năm theo Mẫu số 04/DT-QLDA.

3. Nội dung thẩm định dự toán chi phí quản lý dự án

- Thẩm định nội dung công việc, phương pháp tính toán, sự phù hợp trong việc phân bổ mức chi cho các năm trong Bảng tính chi phí quản lý dự án theo Mẫu số 01/DT-QLDA;

- Thẩm định sự phù hợp trong Bảng tổng hợp nguồn kinh phí quản lý dự án theo Mẫu số 02/DT-QLDA;

- Thẩm định sự phù hợp của các nội dung chi trong dự toán theo Mẫu số 04/DT-QLDA với các tiêu chuẩn, định mức và chế độ tài chính hiện hành của Nhà nước.

4. Quyết định phê duyệt dự toán chi phí quản lý năm theo Mẫu số 05/QĐ-QLDA được gửi tới BQLDA, cơ quan thanh toán và các đơn vị có liên quan để thực hiện.

5. Trong quá trình sử dụng, chủ đầu tư, BQLDA được chủ động điều chỉnh và chịu trách nhiệm về việc điều chỉnh các khoản chi trong phạm vi dự toán năm đã duyệt. Trường hợp, vượt dự toán thì phải thẩm định và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung.

Điều 8. Thanh toán chi phí quản lý dự án

1. Chủ đầu tư, BQLDA quản lý nhiều dự án được mở một tài khoản Chi phí quản lý dự án chung tại một cơ quan thanh toán vốn đầu tư để tiếp nhận khoản chi phí quản lý dự án của tất cả các dự án được giao quản lý.

2. Cơ quan thanh toán vốn đầu tư thực hiện thanh toán chi phí quản lý dự án theo dự toán do chủ đầu tư phê duyệt, chế độ thanh toán vốn đầu tư, chế độ quản lý tài chính hiện hành và các quy định cụ thể tại Thông tư này.

Điều 9. Quyết toán chi phí quản lý dự án

1. Khi kết thúc niên độ ngân sách hàng năm chậm nhất là ngày 28/02 năm sau, chủ đầu tư, BQLDA lập báo cáo quyết toán chi phí quản lý dự án trong năm theo Mẫu số 01/QT-QLDA; lấy ý kiến xác nhận của cơ quan thanh toán để làm cơ sở lập dự toán chi phí quản lý dự án năm sau. Không phải thẩm định và phê duyệt quyết toán.

2. Khi dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, chủ đầu tư, BQLDA lập báo cáo quyết toán chi phí quản lý dự án cùng với hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành để

trình cấp có thẩm quyền thẩm tra và phê duyệt theo quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước.

3. Xử lý số dư kinh phí hàng năm

Đối với khoản chênh lệch nguồn thu lớn hơn chi, hoặc các khoản chi trong dự toán được duyệt nhưng chưa chi hết, được chuyển sang thực hiện chi ở các năm sau; đồng thời tổng hợp vào Mẫu số 02/DT-QLDA (Mục I-Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang) để trích lập dự toán cho năm sau.

Điều 10. Kiểm tra

1. Đơn vị quản lý tài chính đầu tư thuộc các Bộ, ngành, địa phương có kế hoạch tổ chức kiểm tra việc quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án tại các đơn vị chủ đầu tư, BQLDA thuộc phạm vi quản lý.

2. Các chủ đầu tư, BQLDA tự tổ chức kiểm tra định kỳ về việc thực hiện quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư ở đơn vị.

Điều 11. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư, BQLDA

- Chịu trách nhiệm toàn bộ về việc quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án.

- Thực hiện việc lập dự toán, thẩm định và phê duyệt dự toán chi phí quản lý dự án; lập báo cáo quyết toán chi phí quản lý dự án, lấy ý kiến xác nhận của cơ quan thanh toán với báo cáo quyết toán đúng thời gian và nội dung quy định tại Thông tư này.

2. Trách nhiệm của cơ quan thanh toán

- Chịu trách nhiệm kiểm soát, thanh toán chi phí quản lý dự án đầu tư theo quy định về thanh toán vốn đầu tư, đúng chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và các quy định cụ thể tại Thông tư này.

- Chịu trách nhiệm đối chiếu và xác nhận kinh phí đã thanh toán trong năm, kinh phí còn dư theo dự toán tại Mẫu số 01/QT-QLDA báo cáo quyết toán chi phí quản lý dự án của các chủ đầu tư, BQLDA.

3. Trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương

Thường xuyên kiểm tra tình hình quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý; có biện pháp xử

lý theo quy định của pháp luật đối với các cá nhân, đơn vị có hành vi vi phạm trong quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư.

Phần III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2011 và thay thế Thông tư số 117/2008/TT-BTC ngày 05/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Điều 13. Các chủ đầu tư, BQLDA đã phê duyệt dự toán chi phí quản lý dự án trước ngày có hiệu lực của Thông tư này tiếp tục thực hiện theo dự toán đã được phê duyệt đến hết năm ngân sách; Việc quyết toán theo quy định tại Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Phạm Sỹ Danh

Mẫu số: 01(i)/DT-QLDA

(Lập riêng cho từng dự án)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

BẢNG TÍNH KINH PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN

Chủ đầu tư:

BQLDA:

Tên dự án:

Thời gian thực hiện dự án: Từ tháng... năm.... đến tháng... năm....

Đơn vị tính:... đồng

TT	Nội dung công việc, diễn giải	Kết quả
I	Chi phí quản lý dự án: (Phương pháp tính theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng)	$\mathbf{G_{QLDA}}$
II	Các khoản chi phí tư vấn đầu tư xây dựng do chủ đầu tư, BQLDA thực hiện (nếu có): (Phương pháp tính theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng)	$\mathbf{G_{TV}}$
1		
2		
III	Dự kiến những công việc thuộc chi phí QLDA cần thuê tư vấn (nếu có): (Phương pháp tính theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng)	$\mathbf{G_{TTV}}$
1		
2		
...		
IV	Tổng mức kinh phí do chủ đầu tư, BQLDA được sử dụng ($\mathbf{G_{QLDA\ (CĐT)} = I + II - III}$): Trong đó: - Chủ đầu tư sử dụng: - BQLDA sử dụng:	$\mathbf{G_{QLDA\ (CĐT)}}$

Dự kiến phân bổ cho các năm:

Năm thực hiện	**Phân bổ chung** (.... đồng)	**Chủ đầu tư sử dụng** (...đồng)	**BQL sử dụng** (... đồng)
200...			
200...			
...			
Dự phòng			

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: 02/DT-QLDA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BẢNG TỔNG HỢP NGUỒN KINH PHÍ
NĂM KẾ HOẠCH 20...

Đơn vị: (Tên chủ đầu tư/BQLDA).

Đơn vị tính:...

TT	Danh mục dự án	Tổng kinh phí sử dụng theo dự án	Lũy kế kinh phí đã sử dụng các năm trước	Kinh phí dự kiến sử dụng năm kế hoạch		Kinh phí còn để sử dụng các năm sau
				Số tiền	Tỷ lệ *(1)* (%)	
1	2	3	4	5	6	7=3-4-5
	Tổng cộng				**100**	
I	**Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang**					
II	**Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý**					
1	Dự án...					
2	Dự án...					
3	Dự án...					
	...					
III	**Dự án bổ sung trong năm (nếu có)** (2)					
1	Dự án...					
2	Dự án...					
...	...					

TT	Danh mục dự án	Tổng kinh phí sử dụng theo dự án	Lũy kế kinh phí đã sử dụng các năm trước	Kinh phí dự kiến sử dụng năm kế hoạch		Kinh phí còn để sử dụng các năm sau
				Số tiền	Tỷ lệ *(1)* (%)	
IV	**Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn (nếu có) đã trừ các khoản thuế phải nộp**					
1						
2						
...						

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

(1) Tỷ lệ (%) bằng Số tiền dự kiến trích của từng dự án chia cho Tổng số tiền dự kiến trích sử dụng trong năm kế hoạch nhân 100%.

(2) Trong quá trình thực hiện, nếu được giao bổ sung dự án, chủ đầu tư/BQLDA lập bổ sung Bảng này, ghi rõ ngày tháng năm lập bổ sung, số tiền trích từ các dự án bổ sung để thực hiện quản lý, xác định lại tỷ lệ trích ở Cột 6 cho từng dự án trên tổng số dự kiến trích làm cơ sở để phê duyệt điều chỉnh hoặc bổ sung dự toán chi phí quản lý dự án năm..

Mẫu số 03/DT- QLDA

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BẢNG TÍNH LƯƠNG NĂM.....

Số TT	Họ và tên	Mã số ngạch	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Hệ số phụ cấp khu vực	Hệ số phụ cấp khác	Cộng hệ số	Tiền lương và phụ cấp một tháng	Số tháng	Tiền lương và phụ cấp cả năm	Phụ cấp kiêm nhiệm	
											Hệ số	Thành tiền
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I ...	Cán bộ hưởng lương từ dự án											
II ...	Cán bộ hưởng lương hợp đồng QLDA											
III ...	Cán bộ kiêm nhiệm QLDA											
	Tổng cộng											

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên

Mẫu số: 04/DT-QLDA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

DỰ TOÁN CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN NĂM...
Tên Chủ đầu tư/BQLDA:.....

Đơn vị tính:...

TT	Nội dung	Năm báo cáo		Dự kiến mức chi năm kế hoạch
		Dự toán được duyệt	Thực hiện	
1	2	3	4	5
	Tổng cộng			
1	Tiền lương			
2	Tiền công			
3	Các khoản phụ cấp lương			
4	Chi tiền thưởng			
5	Chi phúc lợi tập thể			
6	Các khoản đóng góp			
7	Thanh toán dịch vụ công cộng			
8	Chi mua vật tư văn phòng			
9	Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền			
10	Chi hội nghị			
11	Chi công tác phí			
12	Chi thuê mướn			
13	Chi đoàn ra			

TT	Nội dung	Năm báo cáo		Dự kiến mức chi năm kế hoạch
		Dự toán được duyệt	Thực hiện	
1	2	3	4	5
14	Chi đoàn vào			
15	Chi sửa chữa tài sản			
16	Chi mua sắm tài sản phục vụ quản lý			
17	Chi phí khác			
18	Dự phòng			

Người lập biểu	Phụ trách kế toán	Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 05/DT-QLDA

CƠ QUAN DUYỆT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt dự toán chi phí quản lý dự án năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

Căn cứ.....

Căn cứ Thông tư số... ngày... của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư từ nguồn vốn Ngân sách nhà nước;

Xét đề nghị của....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Duyệt dự toán chi phí quản lý dự án năm....

Của Chủ đầu tư (hoặc Ban quản lý dự án)...

Giá trị dự toán được duyệt là:..... đồng.

Chi tiết như sau**:**

TT	Nội dung	Mức chi (đồng)
1	**2**	**5**
	Tổng cộng	
1	Tiền lương	
2	Tiền công	
3	Các khoản phụ cấp lương	
4	Chi tiền thưởng	
5	Chi phúc lợi tập thể	

TT	Nội dung	Mức chi (đồng)
1	**2**	**5**
6	Các khoản đóng góp	
7	Thanh toán dịch vụ công cộng	
8	Chi mua vật tư văn phòng	
9	Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền	
10	Chi hội nghị	
11	Chi công tác phí	
12	Chi thuê mướn	
13	Chi đoàn ra	
14	Chi đoàn vào	
15	Chi sửa chữa tài sản	
16	Chi mua sắm tài sản phục vụ quản lý	
17	Chi phí khác	
18	Dự phòng	

Điều 2. Chủ đầu tư, Giám đốc BQLDA và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Chủ đầu tư;
- BQLDA....;
- KBNN nơi mở tài khoản;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 01/QT-QLDA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN

Năm.....

Tên Chủ đầu tư/BQLDA:...

- Dự toán được duyệt theo Quyết định số..... ngày.... tháng.... năm....:
- Kinh phí đề nghị chuyển năm sau:
- Kinh phí đề nghị quyết toán: Chi tiết như sau:

TT	Nội dung	Dự toán được duyệt (Đồng)	Quyết toán (Đồng)
	Tổng		
1	Tiền lương		
2	Tiền công		
3	Các khoản phụ cấp lương		
4	Chi tiền thưởng		
5	Chi phúc lợi tập thể		
6	Các khoản đóng góp		
7	Thanh toán dịch vụ công cộng		
8	Chi mua vật tư văn phòng		
9	Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền		
10	Chi hội nghị		
11	Chi công tác phí		
12	Chi thuê mướn		

TT	Nội dung	Dự toán được duyệt (Đồng)	Quyết toán (Đồng)
13	Chi đoàn ra		
14	Chi đoàn vào		
15	Chi sửa chữa tài sản		
16	Chi mua sắm tài sản phục vụ quản lý		
17	Chi phí khác		

Chủ đầu tư/BQLDA	Kho bạc Nhà nước.....
Kế toán trưởng *(Ký, ghi rõ họ tên)* **Thủ trưởng đơn vị** *(Ký tên, đóng dấu)*	Xác nhận: - Kinh phí đã thanh toán theo đúng chế độ trong năm (201..)là:.... đồng; - Kinh phí còn dư là:..... đồng; **Phụ trách thanh toán** *(Ký, ghi rõ họ tên)* **Thủ trưởng đơn vị** *(Ký tên, đóng dấu)*